

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 14 tháng 08, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	NBB	13/08/2025	26.55	3.554.700	218.383	16.28
2	PHC	13/08/2025	5.77	1.402.600	218.180	6.43
3	BMI	13/08/2025	22.5	1.825.800	409.790	4.46
4	BVH	13/08/2025	57.1	2.711.000	714.413	3.79
5	HUT	13/08/2025	20.3	14.857.400	4.199.687	3.54
6	CMG	13/08/2025	44.5	6.707.300	2.126.077	3.15
7	HNG	13/08/2025	6.9	22.208.700	7.558.110	2.94
8	MZG	13/08/2025	12.4	1.511.100	513.640	2.94
9	VC7	13/08/2025	13.2	2.851.600	996.087	2.86
10	MIG	13/08/2025	19.4	1.330.700	473.397	2.81
11	MBB	13/08/2025	25.8	79.609.728	28.620.832	2.78
12	VAB	13/08/2025	19.7	6.665.400	2.481.610	2.69
13	NDN	13/08/2025	12.3	2.170.700	846.623	2.56
14	FPT	13/08/2025	105.1	21.845.500	8.821.223	2.48
15	DC4	13/08/2025	13.85	5.575.700	2.284.013	2.44
16	VHC	13/08/2025	62.3	5.124.600	2.102.610	2.44
17	LPB	13/08/2025	39.2	10.589.000	4.361.750	2.43
18	AAS	13/08/2025	14.7	4.886.000	2.015.770	2.42
19	IDI	13/08/2025	9.1	7.095.400	2.941.687	2.41
20	KSB	13/08/2025	20.4	9.002.800	3.833.830	2.35
21	MSN	13/08/2025	85.9	24.211.400	10.701.780	2.26
22	IJC	13/08/2025	14.06	9.054.500	4.085.760	2.22
23	GEX	13/08/2025	56	33.056.000	15.536.410	2.13
24	SZC	13/08/2025	39.75	7.440.300	3.500.557	2.13
25	GIL	13/08/2025	20.8	2.766.500	1.333.500	2.07
26	MBS	13/08/2025	40.1	18270300	9337830	1.96
27	KDH	13/08/2025	36.2	12039400	6135047	1.96
28	DVM	13/08/2025	7.9	1436300	736007	1.95
29	CTS	13/08/2025	44.85	8307900	4304880	1.93



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	ACV	13/08/2025	64.5	1.147.120	65.46	64.13	0.57	1.28	-1.08
2	BCM	13/08/2025	71	866.110	59.76	67.07	5.86	1.34	0.13
3	CCL	13/08/2025	7.71	842.440	62.11	7.6	1.47	0.16	-0.14
4	CMG	13/08/2025	44.5	2.102.410	68.99	42.04	5.86	1.22	-1.14
5	CMX	13/08/2025	7.86	808.800	65.44	7.48	5.15	0.15	0.04
6	DGC	13/08/2025	106.5	3.057.170	58.69	103.42	2.98	2.04	-2.79
7	DPR	13/08/2025	42.5	1.004.440	59.66	40.28	5.51	0.36	-0.35
8	DRI	13/08/2025	12.9	1.371.800	51.47	12.37	4.29	0.11	0.01
9	DVM	13/08/2025	7.9	904.140	65.14	7.63	3.51	0.15	0.04
10	GAS	13/08/2025	70	1.509.250	60.92	66.52	5.23	0.86	-0.06
11	GMD	13/08/2025	60.9	4.466.370	63.68	57.74	5.47	0.98	-1.48
12	IDC	13/08/2025	50	4.101.960	69.34	48.37	3.37	1.16	-1.48
13	IVS	13/08/2025	10.2	559.250	54.62	9.87	3.34	0.11	-0.11
14	LSS	13/08/2025	10.4	842.350	66.13	10.18	2.18	0.13	-0.16
15	ORS	13/08/2025	12.55	10.521.670	69.34	11.84	6.03	0.58	-0.33
16	PLX	13/08/2025	38	3.419.820	56	37.51	1.31	0.36	-0.24
17	PNJ	13/08/2025	88	763.700	58.28	87.2	0.92	1.6	-1.7
18	PVD	13/08/2025	22.75	12.614.290	69.85	21.88	3.98	0.61	-0.79
19	SIP	13/08/2025	67.5	907.080	61.04	65.95	2.35	1.25	-0.98
20	SZC	13/08/2025	39.75	3.294.750	63.13	38.96	2.04	0.69	-0.65
21	TNG	13/08/2025	21.8	2.537.110	57.18	20.98	3.91	0.51	-0.37
22	TTA	13/08/2025	11.7	859.840	57.02	11.52	1.54	0.14	0.1
23	TVC	13/08/2025	9.9	553.900	62.06	9.32	6.22	0.18	0.03
24	VCB	13/08/2025	62.5	8.564.200	59.57	60.65	3.05	0.62	-0.64
25	VGI	13/08/2025	82	1.482.830	67.2	78.23	4.82	1.34	-1.49
26	VGT	13/08/2025	13.3	3.283.700	61.11	12.71	4.66	0.33	-0.05
27	VIP	13/08/2025	13.65	549.140	60.06	12.98	5.16	0.14	-0.11
28	VNM	13/08/2025	61.1	6.303.890	53.51	59.13	3.33	0.76	0.02
29	VGT	12/08/2025	13.3	3.066.520	61.11	12.71	4.65	0.33	-0.05



Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	ABB	13.4	13.9	12.916.700
2	ACB	24.5	24.8	17249550
3	CII	21.85	21.85	38.364.332
4	CTG	49.6	49.6	14.140.080
5	DIG	24.2	24.4	32500400
6	DXG	21.6	22.3	27.738.080
7	EVF	15.3	15.3	30.245.820
8	HAG	16.2	16.75	21.490.160
9	HCM	28.65	29.1	21.466.420
10	HDB	28.95	29.45	23.788.500
11	HDG	30.8	30.8	7.946.660
12	KDH	36.2	36.55	7.976.400
13	MBB	25.8	25.8	40.307.012
14	MBS	40.1	40.1	9.138.960
15	MSB	15.5	15.9	23.534.910
16	MSN	85.9	87.4	13.713.440
17	PDR	24.2	24.35	28.180.050
19	SCR	9.9	10.1	12.121.500
20	SHB	19.35	19.7	114.337.112
21	SHS	24.9	25.2	51.808.400
22	VCG	26.8	27.45	15.868.500
23	VCI	47	48.1	18.082.880
24	VIX	30.35	30.45	51.984.420
25	VSC	29.6	29.6	25.376.890

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	ASM	8.79	8.75	3.004.110
2	BSI	50.3	50	2.934.230
3	BVH	57.1	54.9	1112940
4	BVS	42.9	41.9	1.395.310
5	CMG	44.5	43.15	2.102.410
6	GMD	60.9	60.9	4.466.370
7	GVR	32.65	32.6	6.902.180
8	HNG	6.9	6.6	10.439.690
9	IDC	50	49.5	4.101.960
10	IDI	9.1	8.69	4372600
11	IJC	14.6	14.3	4454460
12	KSB	20.4	19.65	4.924.140
13	NTL	22.15	21.5	3.685.920
14	SZC	39.75	39.2	3.294.750

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	CTF	21.2	21.2	308.730
2	DDB	10.8	10.4	87.660
3	CDR	8.3	8	84.400
4	BHN	33.95	33.87	31.330

Phá đáy 1 năm

Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	CCL	7.71	7.6	842.440
2	CMG	44.5	42.04	2.102.410
3	SZC	39.75	38.96	3294750

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	CTD	83.1	83.07	1.190.560
2	DC4	13.85	13.44	2.008.430
3	DRH	3.5	3.49	1348610
4	LIG	4.5	4.16	1.179.520

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	DC4	13.85	13.73	2.008.430

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn

Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	CSM	13.25	13.37	818.570
2	HAX	15	15.19	5.835.610
3	PVT	18.7	18.9	7351630
4	VTO	12.75	12.98	884.150

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	AAV	6.7	6.72	1.049.350
2	CSM	13.25	13.38	818.570
3	FPT	105.1	105.42	10954910
4	LAS	20.5	20.57	2.123.900
5	QTP	13.1	13.16	521.110

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	DRI	12.9	13.03	1.371.800
2	HVN	31.75	32.47	1.379.810
3	KVC	1.9	1.94	788190
4	MSH	38.05	38.18	849.850
5	PAC	30.95	31.59	941.310
7	SAB	47.95	48.1	1247560
8	SMC	12.7	12.97	631210
9	SSB	19.95	20.01	4018940
10	VNM	61.1	61.38	6303890
11	VTO	12.75	12.85	884150



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	QTP	13/08/2025	13.1	12.9	13.4	3.9	465.260
2	QNS	13/08/2025	48.3	44.99	49.1	9.1	197.960
3	SAB	13/08/2025	47.95	45.69	50	9.4	1.128.640
4	SJD	13/08/2025	15.35	14.15	15.5	9.5	132.240
5	CST	13/08/2025	15.7	15.1	16.7	10.6	123.860
6	CTF	13/08/2025	21.2	21.15	23.45	10.9	321.780
7	BAF	13/08/2025	35.9	33.2	37.3	12.3	7.087.120
8	NED	13/08/2025	7.2	6.9	7.8	13	140.320
9	BWE	13/08/2025	49.8	46.7	52.8	13.1	193.900
10	PTB	13/08/2025	54.7	49.86	56.5	13.3	164.480
11	BMP	13/08/2025	139.4	133.1	151	13.4	140.880
12	FPT	13/08/2025	105.1	99.25	112.8	13.7	12.377.280
13	SGT	13/08/2025	18.4	16.4	18.7	14	161.320
14	CTD	13/08/2025	83.1	77.5	88.5	14.2	1.163.500
15	SCS	13/08/2025	63.3	60.8	69.5	14.3	436.100
16	VTO	13/08/2025	12.75	12.15	13.9	14.4	1.130.240
17	BNA	13/08/2025	7.7	7.4	8.5	14.9	270.780
18	BMC	13/08/2025	18.1	17.37	19.95	14.9	114.120
19	APG	13/08/2025	11.9	11.7	13.45	15	1.002.460



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

- CANH MUA** Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CHỜ MUA** Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- TRUNG LẬP** Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CANH BÁN** Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 1, 1A, 2-389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009